

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

#### 1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

\* Dự toán: Thuộc Hợp đồng số 10/HĐ-Z125-VVK

\* Gói thầu:

- Tên gói thầu số 04: Cung cấp bán thành phẩm và vật tư ĐLP-548.
- Nguồn vốn: Hợp đồng số 10/HĐ-Z125-VVK ngày 25/12/2025.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 40 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Từ quý I/2025
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng;

Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Điều chỉnh.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

#### 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Mô tả thông số kỹ thuật cơ bản
1.	Thân CA	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thực hiện theo BVSP.</li><li>- Vật liệu: Nhôm АД33 ГОСТ 21488-97.</li><li>- Các thông số cơ bản:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đường kính ngoài <math>\phi 41,4\text{mm}</math></li><li>+ Đường kính trong <math>\phi 33\text{mm}</math></li><li>+ Dài 39,5mm</li><li>+ Độ bền: 60 MPa</li><li>+ Độ giãn dài: 25 %</li><li>+ Kiểm tra 100% sản phẩm</li></ul></li><li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li><li>- Sản xuất: Việt Nam.</li></ul>
2.	Thân CL	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thực hiện theo BVSP.</li><li>- Vật liệu: Nhôm АД33 ГОСТ 21488-97.</li><li>- Các thông số cơ bản:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đường kính ngoài <math>\phi 41,4\text{mm}</math></li><li>+ Đường kính trong <math>\phi 33\text{mm}</math></li><li>+ Dài 39,5mm</li><li>+ Độ bền: 60 MPa</li></ul></li></ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ giãn dài: 25 %</li> <li>+ Kiểm tra 100% sản phẩm</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
3.	Thân LT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo BVSP.</li> <li>- Vật liệu: Nhôm АД33 ГОСТ 21488-97.</li> <li>- Các thông số cơ bản:</li> <li>+ Đường kính ngoài <math>\phi 41,4\text{mm}</math></li> <li>+ Đường kính trong <math>\phi 33\text{mm}</math></li> <li>+ Dài 39,5mm</li> <li>+ Độ bền: 60 MPa</li> <li>+ Độ giãn dài: 25 %</li> <li>+ Kiểm tra 100% sản phẩm</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
4.	Chi tiết BHL CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép C45 TCVN 1766-75</li> <li>- Kích thước bao, mm: (M16x0,75)x7,85</li> <li>- Dưỡng hóa nhuộm vàng.</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
5.	Chi tiết BHL CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép C45 TCVN 1766-75</li> <li>- Kích thước bao, mm: (M16x0,75)x7,85</li> <li>- Dưỡng hóa nhuộm vàng.</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
6.	Chi tiết BHL LT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Nhôm Д16 ГОСТ 21488-97 hoặc tương đương</li> <li>- Kích thước bao, mm: (M16x0,75)x7,85</li> <li>- Cùn cạnh sắc R0,2</li> <li>- Anod nhuộm màu theo TCVN 5876:1995</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
7.	Chi tiết CTP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo BVSP</li> <li>- Vật liệu: Đồng M1 ГОСТ 1018-2015 hoặc tương đương</li> <li>- Các thông số cơ bản:</li> <li>+ Đường kính vành <math>\phi 15\text{mm}</math></li> <li>+ Đường kính đáy <math>\phi 10,6\text{mm}</math></li> <li>+ Chiều dày 0,3mm</li> <li>+ Dài 9,5mm</li> <li>+ Kiểm tra 100% sản phẩm</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>

8.	Chi tiết LĐT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép C30 TCVN 1766-75</li> <li>- Kích thước bao, mm: <math>\Phi 36,5 \times 24</math></li> <li>- Cùn cạnh sắc R0,3</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
9.	Hòm bảo quản CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>Gỗ nhóm 1, dày 24mm, kích thước bao dài x rộng x cao = 695mm x 265mm x 225mm</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
10.	Hòm bảo quản CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>Gỗ nhóm 1, dày 24mm, kích thước bao dài x rộng x cao = 695mm x 265mm x 350mm</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
11.	Hòm bảo quản LT	<ul style="list-style-type: none"> <li>Gỗ nhóm 1, dày 24mm, kích thước bao dài x rộng x cao = 695mm x 265mm x 250mm</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
12.	Trụ đồng $\Phi 6 \times 9,8$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Đồng M1</li> <li>- Kích thước, mm: <math>\Phi 6 \times 9,8</math></li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
13.	Bộ dụng cụ số 5-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao <math>\Phi 100 \times 250</math>mm</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
14.	Bộ dụng cụ số 5-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao <math>\Phi 100 \times 250</math>mm</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
15.	Bộ dụng cụ số 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao <math>\Phi 100 \times 250</math>mm</li> <li>- Nhiệt luyện 32...36HRC</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
16.	Bộ dụng cụ LHL số 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 40X</li> <li>- Kích thước, mm: <math>\Phi 60 \times 300</math></li> <li>- Lực tối đa, kG: 150</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>

17.	Bộ dụng cụ LHL số 2-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 40X</li> <li>- Kích thước, mm: <math>\Phi 60 \times 300</math></li> <li>- Lực tối đa, kG: 100</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
18.	Bộ dụng cụ LHL số 2-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 40X</li> <li>- Kích thước, mm: <math>\Phi 60 \times 300</math></li> <li>- Lực tối đa, kG: 120</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
19.	Bộ dụng cụ số 3-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 30X</li> <li>- Kích thước bao (dài x rộng x cao), mm: 0,45x0,45x0,50</li> <li>- Lực tối đa, kG: 200</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
20.	Bộ dụng cụ số 3-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 30X</li> <li>- Kích thước bao (dài x rộng x cao), mm: 0,45x0,45x1,0</li> <li>- Lực tối đa, kG: 250</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
21.	Bộ dụng cụ số 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 40X</li> <li>- Kích thước bao (dài x rộng x cao), mm: 0,45x0,45x0,50</li> <li>- Lực tối đa, kG: 150</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
22.	Bộ dụng cụ SCG	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 40X</li> <li>- Kích thước, mm: 150x150x20</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
23.	Dưỡng kiểm số 6-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưỡng kiểm độ nhô</li> <li>- Vật liệu: Thép 30X</li> <li>- Kích thước, mm: 100x60x25</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
24.	Bộ dụng cụ số 5-LT	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thép 40X, kích thước 700mm x 600mm x 800mm</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
25.	Bộ dụng cụ số 4-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thép 40X, kích thước 800mm x 600mm x 900mm</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
26.	Bộ dụng cụ số 4-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thép 40X, kích thước 800mm x 600mm x 900mm</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
27.	Bộ dụng cụ số 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 30X</li> <li>- Kích thước bao (dài x rộng x cao), mm: 0,12x0,12x0,15</li> <li>- Lực tối đa, kG: 70</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
28.	Bộ dụng cụ số 1-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 30X</li> <li>- Kích thước bao (dài x rộng x cao), mm: 0,12x0,12x0,11</li> <li>- Lực tối đa, kG: 60</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
29.	Bộ dụng cụ số 1-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu chung: Thép 30X</li> <li>- Kích thước bao (dài x rộng x cao), mm: 0,12x0,12x0,2</li> <li>- Lực tối đa, kG: 80</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
30.	Dưỡng kiểm số 8-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Dưỡng kiểm chiều cao</li> <li>- Vật liệu: Thép 30X</li> <li>- Kích thước, mm: 150x60x25</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
31.	Dưỡng kiểm số 8-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Dưỡng kiểm chiều cao</li> <li>- Vật liệu: Thép 30X</li> <li>- Kích thước, mm: 150x60x25</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
32.	Dưỡng kiểm số 8-LT	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Dưỡng kiểm chiều cao</li> <li>- Vật liệu: Thép 30X</li> <li>- Kích thước, mm: 150x60x25</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
33.	Dưỡng kiểm số 9-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Dưỡng kiểm chiều cao 7,85-0,1</li> <li>- Vật liệu: Thép 30X</li> <li>- Kích thước, mm: 150x60x25</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> </ul>

		- Các kích thước còn lại theo BVSP.
34.	Dưỡng kiểm số 9-CL	-Dưỡng kiểm chiều cao 7,85-0,1 - Vật liệu: Thép 30X - Kích thước, mm: 150x60x25 - Sản xuất: Việt Nam - Các kích thước còn lại theo BVSP.
35.	Dưỡng kiểm số 9-LT	-Dưỡng kiểm chiều cao 7,85-0,1 - Vật liệu: Thép 30X - Kích thước, mm: 150x60x25 - Sản xuất: Việt Nam - Các kích thước còn lại theo BVSP.
36.	Dưỡng kiểm số 1-CA	- Vật liệu: Thép 30X - Kích thước, mm: 150x60x15 - Sản xuất: Việt Nam - Các kích thước còn lại theo BVSP.
37.	Dưỡng kiểm số 1-CL	- Vật liệu: Thép 30X - Kích thước, mm: 250x60x20 - Sản xuất: Việt Nam - Các kích thước còn lại theo BVSP.
38.	Dưỡng kiểm số 2-CA	- Vật liệu: Thép 30X - Kích thước, mm: 150x60x10 - Sản xuất: Việt Nam - Các kích thước còn lại theo BVSP.
39.	Dưỡng kiểm số 2-CL	- Vật liệu: Thép 30X - Kích thước, mm: 150x60x10 - Sản xuất: Việt Nam - Các kích thước còn lại theo BVSP.
40.	Dưỡng kiểm số 10-CA	-Dưỡng kiểm chiều cao 70,4max - Vật liệu: Thép 30X - Kích thước, mm: 150x60x25 - Sản xuất: Việt Nam - Các kích thước còn lại theo BVSP.
41.	Dưỡng kiểm số 10-CL	-Dưỡng kiểm chiều cao 70,4max - Vật liệu: Thép 30X - Kích thước, mm: 150x60x25 - Sản xuất: Việt Nam - Các kích thước còn lại theo BVSP.
42.	Dưỡng kiểm CG	- Vật liệu: Thép 30X - Kích thước, mm: 150x60x10 - Sản xuất: Việt Nam - Các kích thước còn lại theo BVSP.
43.	Dưỡng kiểm số 5-CL	- Vật liệu: Thép 45

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước bao, mm: <math>\Phi 82 \times 100</math></li> <li>- Kích thước kiểm <math>\Phi 41,3_{-0,075}</math></li> <li>- Nhiệt luyện 42-48 HRC</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
44.	Dưỡng kiểm số 4-LT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao, mm: <math>\Phi 75 \times 100</math></li> <li>- Kích thước kiểm <math>\Phi 41,3_{-0,075}</math></li> <li>- Nhiệt luyện 42-48 HRC</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
45.	Dưỡng kiểm số 4-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao, mm: <math>\Phi 82 \times 100</math></li> <li>- Kích thước kiểm <math>\Phi 40,7^{-0,1}/_{-0,2}</math></li> <li>- Nhiệt luyện 42-48 HRC</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
46.	Dưỡng kiểm số 4-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao, mm: <math>\Phi 82 \times 100</math></li> <li>- Kích thước kiểm <math>\Phi 40,7^{-0,1}/_{-0,2}</math></li> <li>- Nhiệt luyện 42-48 HRC</li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
47.	Dưỡng kiểm số 3-LT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao, mm: <math>\Phi 82 \times 100</math></li> <li>- Kích thước kiểm <math>\Phi 40,7^{-0,1}/_{-0,2}</math></li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
48.	Dưỡng kiểm số 5-LT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao, mm: <math>\Phi 82 \times 100</math></li> <li>- Kích thước kiểm <math>4 \Phi 3,5^{-0,17}/_{-0,34}</math></li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
49.	Dưỡng kiểm số 7-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao, mm: <math>\Phi 82 \times 100</math></li> <li>- Kích thước kiểm <math>\Phi 36,5^{-0,05}/_{-0,089}</math></li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam..</li> </ul>
50.	Dưỡng kiểm số 7-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 45</li> <li>- Kích thước bao, mm: <math>\Phi 75 \times 100</math></li> <li>- Kích thước kiểm <math>\Phi 36,5^{-0,05}/_{-0,089}</math></li> <li>- Các thông số còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>

51.	Dưỡng kiểm số 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 40X</li> <li>- Kích thước, mm: <math>\Phi 55 \times 350</math></li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
52.	Dưỡng kiểm số 3-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 40X</li> <li>- Kích thước, mm: <math>\Phi 50 \times 250</math></li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
53.	Dưỡng kiểm số 3-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép 40X</li> <li>- Kích thước, mm: <math>\Phi 60 \times 300</math></li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
54.	Dưỡng kiểm số 11-CA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưỡng kiểm lỗ <math>\Phi 5,6_{-0,05}</math></li> <li>- Vật liệu: Thép 30X</li> <li>- Kích thước, mm: <math>150 \times 60 \times 25</math></li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> </ul>
55.	Dưỡng kiểm số 11-CL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưỡng kiểm lỗ <math>\Phi 5,6_{-0,05}</math></li> <li>- Vật liệu: Thép 30X</li> <li>- Kích thước, mm: <math>150 \times 60 \times 25</math></li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
56.	Dưỡng kiểm số 11-LT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưỡng kiểm lỗ <math>\Phi 5,6_{-0,05}</math></li> <li>- Vật liệu: Thép 30X</li> <li>- Kích thước, mm: <math>148 \times 60 \times 25</math></li> <li>- Sản xuất: Việt Nam</li> <li>- Các kích thước còn lại theo BVSP.</li> </ul>
57.	Búa 5kg	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép C45</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x cao), mm: <math>100 \times 60 \times 60</math></li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
58.	Cân tiểu ly độ chính xác 0,001 gam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức cân, kg: 6</li> <li>- Độ chính xác 0,001 gam</li> <li>- Màn hình hiển thị: LCD, 4 phím, hiển thị số, chấm cách nền</li> <li>- Kích thước đĩa cân (dài x rộng), mm: <math>164 \times 164</math></li> <li>- Nguồn điện: Pin AA (4 pin) và Adaptor</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
59.	Dao gạt mực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Cao su non</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x cao), mm: <math>40 \times 30 \times 6</math></li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>

60.	Dầu bảo quản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm quan: Chất lỏng trong suốt, có màu vàng nhạt</li> <li>- Tỷ trọng ở 25 °C, kg/m<sup>3</sup>: ≥0,81</li> <li>- Độ nhớt động học ở 40 °C, cSt: 4±1</li> <li>- Nhiệt độ chớp cháy cốc kín, °C: ≥80</li> <li>- Thời hạn bảo quản, tháng: ≥6</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
61.	Găng tay bảo hộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thương hiệu: VNPS hoặc tương đương</li> <li>- Thành phần: Sợi cotton 100 % + cao su Latex</li> <li>- Lòng bàn tay và các ngón tay có phủ cao su Latex</li> <li>- Trọng lượng: 40÷80 gam.</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
62.	Giá in chữ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép C45</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x cao), m: 0,25x0,30x0,40</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
63.	Giày bảo hộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giày đế cao su</li> <li>- Sản xuất : Việt Nam.</li> </ul>
64.	Giẻ lau	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Vải sợi bông cotton</li> <li>- Màu sắc: Xanh, đen</li> <li>- Kích thước, mm: 400x400</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
65.	Keo epoxy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại E44 ASTM D6412, có khả năng bám dính mạnh với các loại vật liệu, chịu nhiệt độ cao</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam.</li> </ul>
66.	Kìm lắp phanh mũi công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hiệu: TJM-175-074</li> <li>- Trọng lượng, kG: 0,5</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
67.	Khẩu trang	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: 100 % cotton</li> <li>- Kết cấu: 4 lớp kháng khuẩn</li> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
68.	Lưới in	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyester</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x cao), mm: 30 x100x300</li> <li>- Sản xuất: Việt Nam.</li> </ul>
69.	Mũ bảo hộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thương hiệu: Palmer's (Mỹ) hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: TCVN 6447 – QC</li> </ul>

		8098 - Chất liệu: Nhựa AB an toàn - Sản xuất: Việt Nam.
70.	Mực in kim loại UV	- Màu sắc: Đen - Lực bám tốt, chịu xước, kháng hóa chất, chịu nghiền - Phun được trên bề mặt tài liệu nhựa UV dầu, kim loại, mạ điện, nhựa cứng ABS, PVC, PC - Sản xuất: Việt Nam.
71.	Nước tẩy rửa dầu mỡ	- Xerezin wax - Xuất xứ : Việt Nam.
72.	Panme (Panme đo ngoài điện tử)	- Độ chính xác 0,0005) - Sản xuất: Việt Nam.
73.	Quần áo bảo hộ	- Quần áo bảo hộ - Sản xuất : Việt Nam.
74.	Than hoạt tính	- Tỷ trọng 0,4 - 0,6 g/ml - Độ tro <10% - Độ cứng: 90% - Sản xuất : Việt Nam.
75.	Xà phòng	- Quy cách bao gói: Túi loại 3kg - Sản xuất: Việt Nam.

### 3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu đảm bảo bàn giao tại Kho Viện Vũ khí, [Số 51, tổ 3, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội](#).
- Cam kết hàng hóa theo đúng yêu cầu của E-HSMT và đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, không nảy sinh khuyết tật khi chế tạo.
- Nhà thầu phải đổi sản phẩm mới 100% nếu sản phẩm do lỗi của nhà sản xuất hoặc quá trình vận chuyển, thiên tai.... Theo tỉ lệ đổi 1 ÷ 1 (Thời gian đổi bảo hành không quá 10 ngày sau khi 2 bên xác nhận nguyên nhân hàng hóa lỗi hỏng).
- Có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu hoặc ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu;
- Thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư trong trường hợp hàng hóa có bất kỳ thay đổi từ nhà sản xuất.
- Nhà thầu phải cam kết cung cấp hàng mẫu khi bên mời thầu yêu cầu trong vòng 72 giờ (kể từ ngày ra thông báo).

## **Mục 2: Kiểm tra và thử nghiệm**

Trước khi nhận hàng, Bên mời thầu kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa, bao gồm các bước:

+ Kiểm tra số lượng

+ Kiểm tra hồ sơ sản phẩm

+ Kiểm tra đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT trước khi nghiệm thu.